TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2019
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Lý Đạt Thành

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị NC, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị NC trình bày:*

Chị và anh Trần Thanh S do quen biết, chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang ngày 15/4/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 01/7/2006 và Trần Thanh H, sinh ngày 04/02/2011. Nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh S đi làm ở Bình Dương có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên rất ít khi về nhà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh S.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 01/7/2006 (hiện đang sống với anh S) và Trần Thanh H, sinh ngày 04/02/2011 (hiện đang sống với chị). Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H.Do mỗi người nuôi một con chung nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Trần Thanh S*: Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh S không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh S.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị NC.

- Về con chung: Anh Trần Thanh S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 01/7/2006. Chị Nguyễn Thị NC được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh H sinh ngày 04/02/2011.

- Về cấp dưỡng: Chị NC và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Trần Thanh S có địa chỉ tại ấp PH, xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Thanh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NC với anh Trần Thanh S chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang ngày 15/4/2005. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị NC, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng đến tháng 02/2016 anh S đi làm ăn xa ít về nhà nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh S còn có người phụ nữ khác bên ngoài kể từ đó chị và anh S ly thân cho đến nay. Mặc dù biết chị NC nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng anh S cũng không đến liên hệ, không có ý định thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị NC để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Về phía anh S, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh S, tạo điều kiện cho anh S hàn gắn tình cảm với chị NC nhưng anh S không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị NC. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị NC.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S có 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 01/7/2006 (hiện đang sống với anh S) và Trần Thanh H, sinh ngày 04/02/2011 (hiện đang sống với chị NC). Tại

phiên tòa hôm nay chị NC yêu cầu được nuôi cháu Trần Thanh H và đồng ý giao cháu Trần Thanh Th cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị NC không yêu cầu cấp dưỡng và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Cháu Trần Thanh Th hiện đang sống với anh S, do anh S đã đưa cháu Th đi cùng cố tình né tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai cháu Th theo quy định của pháp luật để xem xét nguyện vọng của cháu Th khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù không xem xét được nguyện vọng của cháu Th nhưng hiện tại cháu Th đã được anh S đưa đi cùng và chăm sóc, nuôi dưỡng. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Th; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Thanh Th cho anh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh S phải tạo điều kiện cho chị NC đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Đối với cháu Trần Thanh H hiện đang được chị NC chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét yêu cầu xin nuôi cháu H của chị NC, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện tại cháu H đang được chị NC chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2019, cháu H cũng thể hiện nguyện vọng được sống cùng với chị NC sau khi cha mẹ cháu ly hôn Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu H, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị NC giao cháu Trần Thanh H cho chị NC tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị NC phải tạo điều kiện cho anh S đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Tại phiên tòa hôm nay, chị NC không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con và chị cũng không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thị NC yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị NC.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NC được ly hôn với anh Trần Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 242/KH Quyển số 01/03 ngày 15 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 01/7/2006 (hiện đang sống với anh S) cho anh Trần Thanh S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung tên Trần Thanh H sinh ngày 04/02/2011 (hiện đang sống với chị NC) cho chị Nguyễn Thị NC được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị NC phải tạo điều kiện cho anh Trần Thanh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung và ngược lại. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị NC và anh Trần Thanh S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị NC phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba*

trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014963 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Chị Nguyễn Thị NC có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã ĐM, huyện T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm